

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 505/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Thơ

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 893/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim T, sinh ngày 27/5/1983; CCCD: 079183028841; Địa chỉ: D ấp E, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan T1, sinh ngày 28/8/1981; CCCD: 046081006935; Địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30/3/2026 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Kim T trình bày:

Bà Lê Kim T và ông Phan T1 tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 25/5/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh (Bản chính giấy kết hôn đã thất lạc).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Lê Yến N, sinh ngày 05/01/2006 (đã thành niên) và Phan Lê Việt H, sinh ngày 03/01/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 28/5/2026 Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Phan Tứ .

Bị đơn ông Phan T1 vắng mặt, không có văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Kim T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Phan T1 có nơi cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập họp lệ đương sự tham gia phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 25/5/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Kim T và ông Phan T1 là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn mà theo bà T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cãi nhau, không có tiếng nói chung. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T1, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không rõ lý do. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông T1 và bà T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Ông T1 và bà T có 02 con chung tên Phan Lê Yến N, sinh ngày 05/01/2006, đã thành niên và Phan Lê Việt H, sinh ngày 03/01/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét con chung chưa thành niên Phan Lê Việt H, cần được chăm sóc, ổn định trong cuộc sống, học tập để phát triển toàn diện và theo nguyện vọng của trẻ muốn sống chung với bà T như lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2026. Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên Phan Lê Việt H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T1.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình, cấp dưỡng sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 36, 71 và Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T về việc “Ly hôn”.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim T được ly hôn với ông Phan Tứ .

1.2 Về con chung: Bà T, ông T1 có 02 con chung tên Phan Lê Yến N, sinh ngày 05/01/2006, đã thành niên và Phan Lê Việt H, sinh ngày 03/01/2015.

+ Ông T1 có trách nhiệm giao trẻ Phan Lê Việt H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên cho ông T1 do các bên không yêu cầu.

+ Bà T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông T1 đến thăm con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0023573 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM (KV8);
- UBND xã Tân Nhựt, TP.Hồ Chí Minh (GCNKH số 68 Quyền số 1 ngày 25/5/2006 của UBND xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Phước Lý